

**THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**



Hãy nói theo cách của bạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2010 – Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 08 năm 2017)

Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Điện thoại: (024) 62751783; Fax: (024) 62751783;

Website: congtrinhviettel.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Dương Quốc Chính – Giám đốc Công ty

Số điện thoại: (024) 62751783

Số fax: (024) 62751783

DANH MỤC THUẬT NGỮ/TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội Đồng quản trị
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
VHKT	:	Vận hành khai thác
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
ATLĐ	:	An toàn lao động
TNCN	:	Thu nhập cá nhân
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp:.....	6
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	7
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	8
1.4. Quá trình tăng vốn từ thời điểm cổ phần hóa.....	10
2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu trong tập đoàn.....	14
2.1. Đại hội đồng cổ đông.....	15
2.2. Hội đồng quản trị	15
2.3. Ban kiểm soát.....	15
2.4. Ban Giám đốc.....	16
2.5. Các phòng ban, đơn vị sản xuất	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải).	19
3.1. Đại hội đồng cổ đông:.....	19
3.2. Hội đồng quản trị:	20
3.3. Ban Kiểm soát:.....	21
3.4. Ban Giám đốc:	21
4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ).....	22
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.	22
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập:.....	22
4.3. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 07/09/2017):.....	23
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty “nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.	23
5.1. Công ty mẹ: Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel).....	23
5.2. Những công ty mà Công ty CP Công trình Viettel đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:	24
6. Hoạt động kinh doanh	23
7. Kết quả kinh doanh 2 năm gần nhất	23
8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	31
8.1. Thuận lợi:.....	31

8.2. Khó khăn, thách thức	31
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
9.1. Vị thế của công ty trong ngành	32
9.2. Triển vọng phát triển của ngành.	31
10. Chính sách đối với người lao động.....	32
10.1. Cơ cấu lao động:	32
10.2. Chính sách đối với người lao động:	32
11. Chính sách cổ tức:	33
12. Tình hình tài chính.....	33
13. Tài sản thuộc sở hữu của công ty	37
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	39
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	40
16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	40
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)	41
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	41
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.	41
2. Ban kiểm soát.	48
3. Ban Giám đốc.	52
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	58

DANH MỤC BẢNG BIỂU

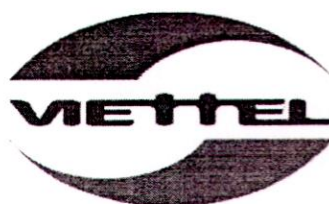
Bảng 1. Danh mục ngành nghề kinh doanh.....	6
Bảng 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty	10
Bảng 3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	15
Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.....	22
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của công ty tính đến ngày 07/09/2017.....	23
Bảng 6. Danh sách Công ty mà Công ty CP Công trình Viettel đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	25
Bảng 7. Kết quả hoạt động SXKD trong 2 năm gần nhất	28
Bảng 8. Chính sách cổ tức của Công ty từ năm 2014 đến nay.....	33
Bảng 9. Giá trị tài sản của Công ty CP Công trình Viettel.....	37
Bảng 10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 và năm 2018.....	39
Bảng 11. Thành phần Hội đồng quản trị của Công ty CP Công trình Viettel	42
Bảng 12. Thành phần Ban kiểm soát Công ty CP Công trình Viettel	48
Bảng 13. Thành phần Ban Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel.....	52

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
- Tên tiếng Anh: VIETTEL CONSTRUCTION JOIN STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 024 6266 1225
- Fax: 024 6257 1783
- Website: congtrinhviettel.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 471.233.410.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 471.233.410.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Dương Quốc Chính – Giám đốc Công ty
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 14/09/2010
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2010 – Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 08 năm 2017.
- Logo:



Hãy nói theo cách của bạn

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã số
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông	4390

STT	Tên ngành	Mã số
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
8.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
9.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
10.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông	6190
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
12.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
13.	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
14.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: CTR
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 47.123.341 cổ phiếu ✓
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến ngày 07/09/2017, các nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 3.225.619 cổ phần của Công ty, tương đương 6,85% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

*** Giai đoạn 1995 – 2000:**

Xí nghiệp Xây lắp Công trình trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội, tiền thân của Công ty Cổ phần Công trình Viettel được ra đời ngày 30/10/1995.

Công việc chủ yếu của xí nghiệp là thi công lắp dựng các cột anten cho tuyến thông tin quân sự cấp 2 của Binh chủng thông tin; xây dựng các công trình thông tin cho ngành Bưu điện, Phát thanh, vô tuyến truyền hình tại một số địa phương. Trong đó có một số công trình tiêu biểu như công trình thông tin cho Bưu điện Đà Nẵng gồm các cột anten Hội An, Duy Xuyên, Núi Thành, Bưu điện Quảng Ngãi, tháp truyền hình Tam Kỳ, Quảng Nam.

Xí nghiệp lắp đặt và bảo dưỡng các trạm phát sóng chuyển tiếp Đài truyền hình Tam Đảo, Đài truyền hình Ninh Bình, Đài truyền hình Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế ... trong đó nổi bật nhất là cột truyền hình Trung ương cao 125m tại 43 Nguyễn Chí Thanh – Hà Nội.

*** Giai đoạn 2000 – 2003:**

Xí nghiệp đã thực hiện công tác xây lắp và bảo dưỡng các tháp anten viba tổng đài mạng cáp cho các đơn vị cơ quan nhà nước, quân đội, tham gia xây lắp tuyến trục Bắc-Nam giai đoạn 1 dài gần 2.000km và đảm bảo thông tuyến đạt đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

Năm 2001, Xí nghiệp đã đạt được doanh thu là 8.5 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người lao động là 0,9 triệu đồng/tháng. Doanh thu năm 2002 đạt 9,7 tỷ đồng, thu nhập bình quân của CBCNV là 1,5 triệu đồng/tháng. Doanh thu năm 2003 của xí nghiệp là 9,1 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người lao động là 1,8 triệu đồng/tháng.

Trong giai đoạn này doanh thu của Xí nghiệp chiếm 2/3 doanh thu của toàn Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel sau này).

*** Giai đoạn 2003 – 2005:**

Ngày 30/9/2003, Trung tâm dịch vụ kỹ thuật sát nhập với Xí nghiệp Xây lắp Công trình lấy tên là Xí nghiệp Xây lắp Công trình.

Xí nghiệp xây lắp công trình lúc này có nhiệm vụ: Tổ chức thi công lắp đặt, bảo

hành bảo dưỡng các thiết bị cho các công trình trực thuộc lĩnh vực Điện tử Viễn thông – Công nghệ thông tin của Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội; Tìm kiếm khai thác mở rộng sản xuất kinh doanh các dịch vụ lắp đặt và xây lắp công trình viễn thông – công nghệ thông tin trong và ngoài Quân đội, phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh.

Năm 2004, Xí nghiệp có doanh thu đạt 13,5 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 1,47 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 413 triệu đồng. Tháng 1 năm 2005 Giám đốc Công ty Viễn thông Quân đội ra quyết định kiện toàn bộ máy Xí nghiệp xây lắp Công trình; theo đó Xí nghiệp được tổ chức lại với khối cơ quan và 3 Trung tâm khu vực I, II, III đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành Phố Hồ Chí Minh.

*** Giai đoạn 2005 – 2010:**

Ngày 6/4/2005 Bộ Quốc Phòng ra Quyết định số 45/2005QĐ-BQP về việc thành lập Tổng công ty Viễn thông Quân đội. Xí nghiệp Xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.

Tháng 4/2006, Tổng công ty Viễn thông Quân đội quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công trình Viettel.

Trong giai đoạn này, Công ty được Tổng công ty Viễn thông Quân đội (*Tập đoàn Viettel ngày nay*) giao cho thực hiện toàn bộ công trình xây lắp hạ tầng cơ sở mạng viễn thông trong nước và quốc tế của Tổng công ty Viễn thông Quân đội.

Cũng trong giai đoạn này, Công ty đã được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba.

*** Giai đoạn 2010 – 2013:**

Ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có quyết định số 135/QĐ-BQP về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công trình Viettel thành Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Ngày 08/4/2010, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả chào bán như sau:

- Số lượng cổ phần chào bán: 6.147.100 cổ phần
- Giá khởi điểm chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 6.147.400 cổ phần
- Giá đầu thành công bình quân: 14.484 đồng/cổ phần

- Giá đầu trúng giá cao nhất: 20.700 đồng/cổ phần
- Giá đầu trúng giá thấp nhất: 11.400 đồng/cổ phần

Ngày 09/06/2010 công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010, với vốn điều lệ là 238.000.000.000 đồng (trong đó vốn thuộc Tập đoàn Viettel là 171.500.000.000 đồng, chiếm 72% vốn điều lệ).

Trong giai đoạn này, công ty đã tham gia thi công tại các thị trường Haiti, Peru, Cameroon, Mozambique theo hướng phát triển của Tập đoàn Viettel.

*** Giai đoạn 2014 – nay:**

Tháng 4/2017, Công ty chính thức mở rộng ngành nghề sang hướng dịch vụ: dịch vụ vận hành khai thác (VHKT) toàn bộ hạ tầng mạng viễn thông của Tập đoàn Viettel trong nước (62 Tỉnh/TP trên cả nước).

Do nhu cầu của công tác vận hành khai thác hạ tầng mạng viễn thông, quy mô nhân sự Công ty đã tăng gấp 10 lần từ khoảng 1.000 người lên gần 10.000 CBCNV. Đây là lĩnh vực được xác định là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty trong giai đoạn tới.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 08 năm 2017 với vốn điều lệ 471.233.410.000 đồng.

1.4. Quá trình tăng vốn từ thời điểm cổ phần hóa

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đã 5 lần tăng vốn điều lệ từ 238.000.000.000 đồng năm 2010 lên 471.233.410.000 năm 2017.

Các đợt tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 2: Các đợt tăng vốn của Công ty

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (Đvt: VNĐ)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý (trình bày theo hình thức phát hành)
	2010		238.000.000.000	Chuyển đổi (CPH) từ	- Quyết định số 135/QĐ-BQP - Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (Đvt: VNĐ)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý (trình bày theo hình thức phát hành)
				DNNN	09/06/2010.
1	07/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2014 số 322/NQ-CTh-ĐHCĐ ngày 26/4/2014. - Nghị quyết HĐQT số 663/NQ-CTR-HĐQT ngày 23/7/2015 v/v chi trả cổ tức năm 2014. - Công văn 1235/UBCK-QLPH ngày 20/3/2015 v/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 14/4/2015 của CTCP Công trình Viettel. - Công văn số 1937/UBCK-QLPH ngày 22/4/2015 v/v báo cáo UBCK chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 27/07/2015.
2	11/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2015 số 347/NQ-CTR-ĐHCĐ ngày 25/4/2015. - Nghị quyết HĐQT số 863/NQ-CTR-HĐQT ngày 17/9/2015 v/v thực hiện chi trả cổ tức năm 2015. - Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/9/2016 v/v tiếp nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành CP để trả cổ tức. - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 810/CTR-TC ngày 07/10/2015 của CTCP Công trình Viettel. - Công văn của UBCKNN ngày 21/10/2015 về việc chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (Đvt: VNĐ)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý (trình bày theo hình thức phát hành)
					- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4.
3	07/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Tỷ lệ thực hiện quyền: 112 : 30	- Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2015 số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2015 - Nghị quyết số 312/NQ-CTR-HĐQT ngày 25/3/2016 v/v phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015. - Ngày 13/01/2016, Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK cho CTCP Công trình Viettel. - Công văn số 7131/UBCK-QLPH ngày 08/11/2015 v/v UBCK đã nhận đủ hồ sơ chào bán CP ra công chúng. - Báo cáo số 0704/BC-CTR ngày 07/4/2016 v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCP Công trình Viettel. - Công văn 1778/UBCK-QLCB ngày 08/4/2014 v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 28/7/2016.
4	10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả	- Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2016 số 435/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2016. - Nghị quyết 998/QĐ-CTR-HĐQT ngày 21/9/2016 v/v triển khai chi trả cổ tức và thông qua phương án phát hành CP chi trả cổ tức năm 2015.

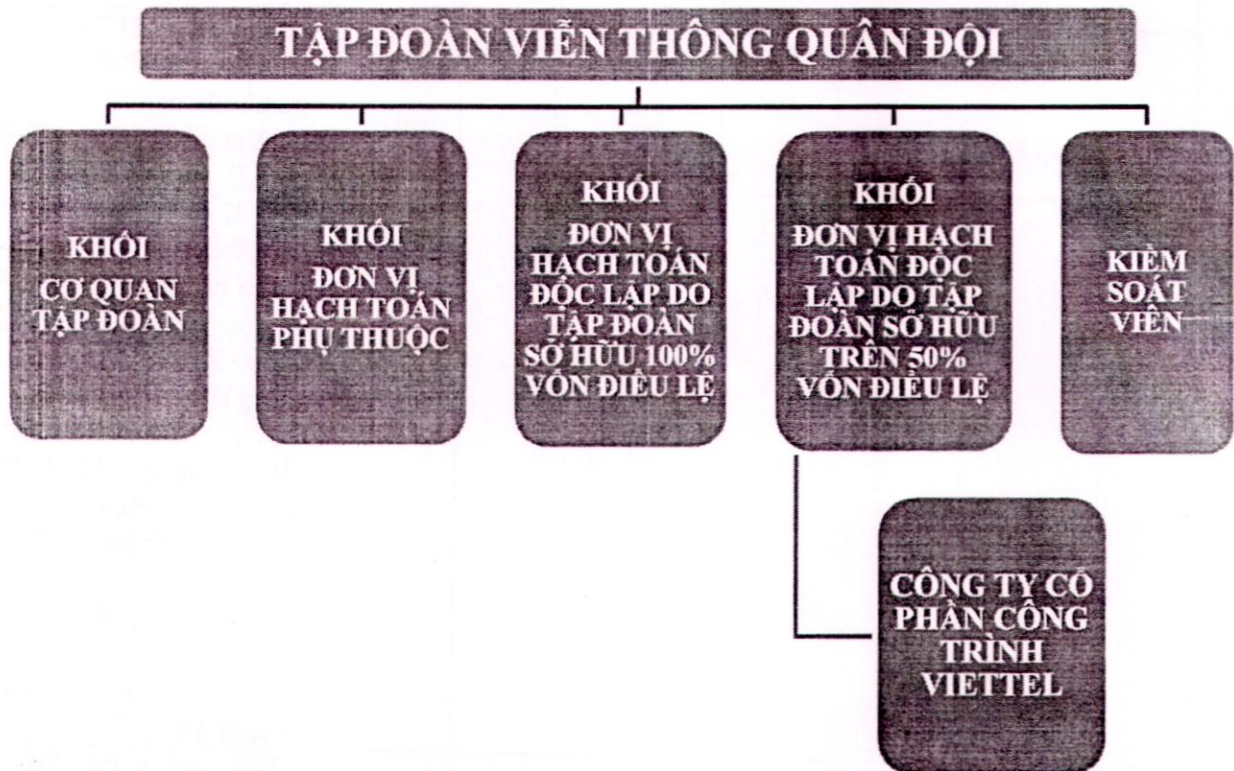
Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (Đvt: VNĐ)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý (trình bày theo hình thức phát hành)
				cổ tức năm 2015	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết 1020A/NQ-CTR-HĐQT ngày 26/9/2016 v/v chi trả cổ tức năm 2015. - Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/9/2016 v/v UBCK đã nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành CP để trả cổ tức. - Báo cáo phát hành CP để trả cổ tức số 2410/BC-CTR-PTC ngày 24/10/2016 của CTCP Công trình Viettel. - Công văn 7230/UBCK-QLCB ngày 31/10/2016 về việc UBCK chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức. - Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104753865 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/11/2016
5	07/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2017 số 13/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2017 - Nghị quyết 736/NQ-CT-HĐQT ngày 23/5/2017 v/v chi trả cổ tức năm 2016 - Công văn số 2828/UBCK-QLCB ngày 22/5/2017 v/v UBCK đã nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành CP để trả cổ tức - Báo cáo phát hành CP để trả cổ tức số 2606/BC-CTR-PTC ngày 26/6/2017 của CTCP Công trình Viettel - Công văn số 4707/UBCK-QLCB ngày 11/7/2017 về việc UBCK chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 18/8/2017

Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình Viettel

2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu trong tập đoàn.

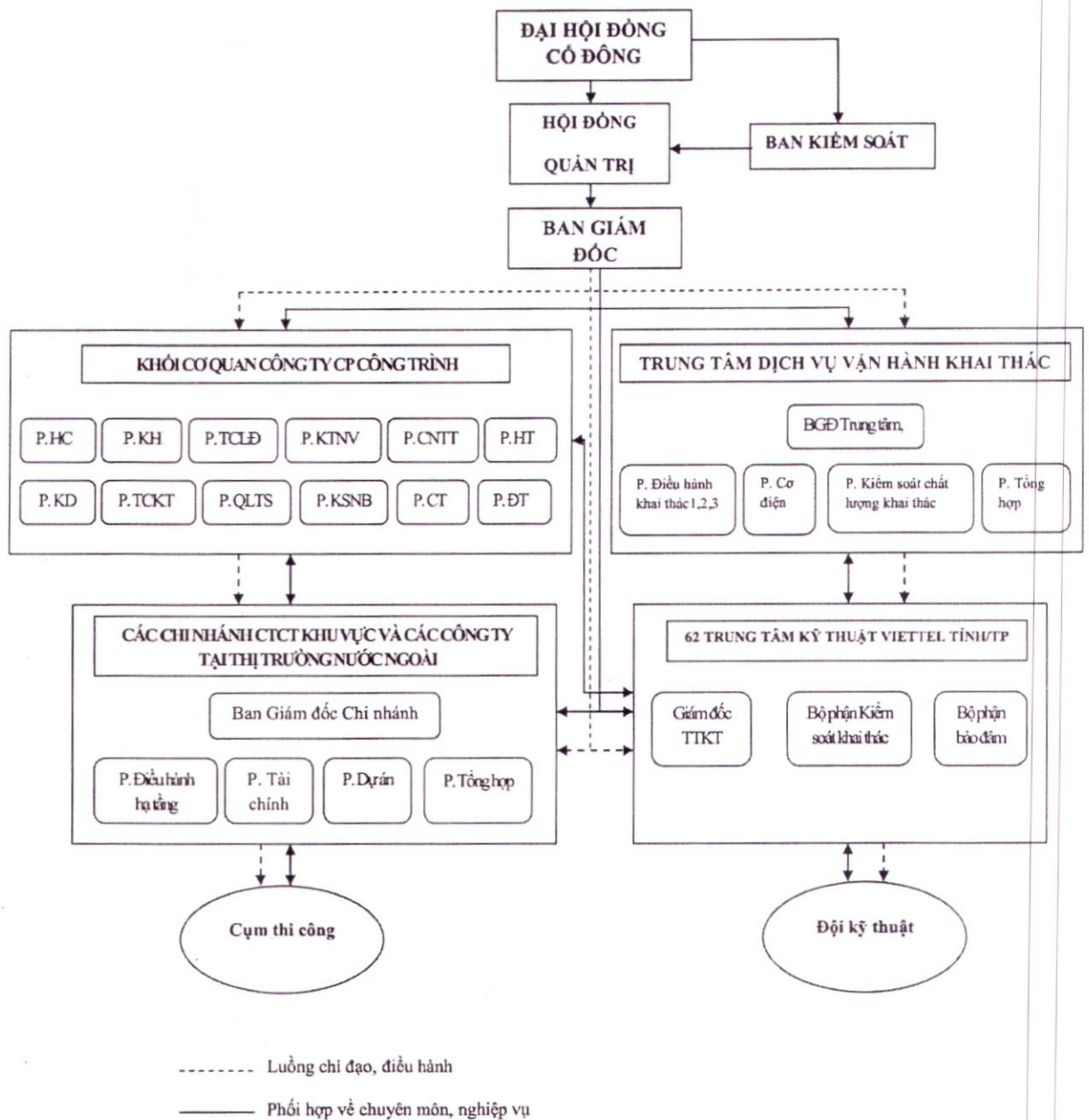
Công ty Cổ Phần Công trình Viettel là công ty con của Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel.

Bảng 3. Cơ cấu tổ chức công ty trong tập đoàn



Công ty Cổ phần Công trình Viettel được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Cơ cấu tổ chức công ty được xây dựng theo cấu trúc, chức năng phù hợp với lĩnh vực hoạt động và được mô tả theo sơ đồ sau:

Bảng 4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty



2.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2.4. Ban Giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Công ty.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo, điều hành một số lĩnh vực, cơ quan, đơn vị thuộc Công ty theo sự phân công của Giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công và báo cáo kết quả với Giám đốc.

2.5. Các phòng ban, đơn vị sản xuất

➤ *Phòng Chính trị:*

Thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị trong công ty trên các mặt: Tuyên huấn; Tổ chức xây dựng Đảng; Tổ chức cán bộ; Truyền thông; Chính sách dân vận; Tổ chức quần chúng; Kiểm tra giám sát.

➤ *Phòng Kế hoạch:*

Thực hiện các nhiệm vụ công tác kế hoạch hoạt động SXKD của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch ngày/tuần/tháng/ quý/năm của Công ty;
- Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch ngày/tuần/tháng/quý/năm của Công ty.

➤ *Phòng Tổ chức lao động:*

Thực hiện các nhiệm vụ công tác tổ chức lao động của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Tổ chức biên chế, mô hình tổ chức, định biên, tuyển dụng, điều động;
- Tiền lương, chính sách: thực hiện tính, chi trả lương, các chế độ chính sách cho người lao động: BHXH, BHYT, ATLĐ...
- Thuế TNCN: thực hiện trích nộp thuế TNCN, hồ sơ giảm trừ gia cảnh
- Quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm phục vụ công tác tổ chức lao động

➤ *Phòng Tài chính Kế toán:*

Thực hiện các nhiệm vụ công tác tổ chức lao động của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Kiểm soát doanh thu, chi phí vận hành khai thác, xây lắp;
- Thanh toán các khoản chi phí phát sinh tại văn phòng Công ty;
- Thanh toán chi phí mua sắm vật tư, tài sản và tính khấu hao tài sản cố định;
- Lập báo cáo tài chính quý/năm theo định kỳ; lập báo cáo quản trị theo yêu cầu,

➤ *Phòng Kiểm soát nội bộ:*

- Thực hiện công tác thẩm định, soạn thảo, tư vấn pháp lý các văn bản, thủ tục hoạt động SXKD, đăng ký thành lập Chi nhánh, Công ty con ở thị trường, Giấy phép đầu tư ở nước ngoài...

- Thực hiện các công tác đảm bảo cho hoạt động của Công ty có phân (ĐQT, quan hệ cổ đông, công bố thông tin...) theo luật Doanh nghiệp, luật kế toán.

- Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiểm soát, phòng ngừa, cảnh báo rủi ro.

- Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bí mật thông tin và bảo đảm an toàn mọi mặt cho Công ty.

➤ **Phòng Quản lý tài sản:**

Thực hiện các nhiệm vụ công tác quản lý tài sản của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý tài sản hạ tầng mạng lưới viễn thông, trang thiết bị văn phòng, dụng cụ;

- KCS vật tư, thiết bị mạng lưới, hàng hóa thương mại;

- Quản lý xuất, nhập kho và quy hoạch sắp xếp kho.

➤ **Phòng Đầu tư:**

Thực hiện các nhiệm vụ công tác đầu tư, mua sắm của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý công tác đấu thầu mua sắm;

- Nghiệm thu quyết toán, thanh toán đối với hàng hóa mua sắm;

- Đảm bảo vật tư thiết bị cho xây lắp và vận hành khai thác;

- Đảm bảo doanh thu theo chỉ tiêu do Ban Giám đốc Công ty giao;

- Tìm kiếm đối tác sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

➤ **Phòng Kinh doanh:**

Thực hiện các nhiệm vụ ngành nghề, thị trường kinh doanh của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Dự toán, đấu thầu, đàm phán ký kết, quản lý các hợp đồng;

- Đánh giá hiệu quả SXKD các Trung tâm/Chi nhánh/Xí nghiệp trong và ngoài các công ty con tại các thị trường nước ngoài;

- Điều hành doanh thu giữa Công ty và Tập đoàn;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh của Công ty và điều hành kế hoạch kinh doanh các Trung tâm/Chi nhánh/Xí nghiệp;

➤ **Phòng Hành chính:**

Thực hiện các nhiệm vụ hành chính của toàn Công ty trên các lĩnh vực:

- Duy trì công tác hành chính, đối ngoại;

- Đảm bảo xe và phương tiện, đảm bảo công tác hậu cần, quân y;

- Duy trì công tác tác huấn, an ninh, an toàn, PCCN, lễ tiết tác phong;

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ.

➤ **Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ:**

1. nưc nien cac nhien vu ky thuat, cong nghe moi cua toan Cong ty tren cac li
vuc:

- Quản lý công tác sáng kiến ý tưởng và đào tạo;
- Xây dựng các quy trình, quy định, kỹ thuật nghiệp vụ vận hành khai thác, x
lắp;

- Xây dựng tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật;

- Nghiên cứu giải pháp công nghệ mới.

➤ **Phòng Công nghệ thông tin:**

- Nghiên cứu giải pháp, ứng dụng CNTT phục vụ tối ưu hóa, thông minh hóa ho
động SXKD;

- Kiểm soát, cải tiến, tối ưu các luồng quy trình nghiệp vụ (VHKT, xây lắp, qu
trị);

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn thông tin của Công ty.

➤ **Phòng Hạ tầng:**

Thực hiện các nhiệm vụ điều hành thi công xây lắp của toàn Công ty trên các li
vuc:

- Điều hành triển khai thi công xây lắp hạ tầng viễn thông trong nước;

- Thực hiện thanh toán, quyết toán với chi nhánh, chủ đầu tư, thầu phụ thi công;

- Điều hành cho thuê các trạm xã hội hóa;

➤ **Trung tâm Vận hành khai thác:**

Địa chỉ: Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Thực hiện các nhiệm vụ điều hành công tác vận hành khai thác kỹ thuật hạ tâ
mạng lưới viễn thông của Tập đoàn Viettel ở 3 khu vực Bắc - Trung - Nam trên cả nướ

➤ **62 Trung tâm kỹ thuật Viettel tỉnh/thành phố:**

Tại 62 tỉnh/Thành phố (trừ TP. Hồ Chí Minh) đều có 62 Trung tâm kỹ thuật Viett
của Công ty CP Công trình Viettel để thực hiện công tác vận hành khai thác kỹ thuật
tầng mạng lưới viễn thông của Tập đoàn Viettel trong phạm vi của tỉnh/thành phố đó.

➤ **Các chi nhánh khu vực:**

- **Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel Khu vực 1**

Địa chỉ: Lô A2-9 Đường Bắc Thăng Long, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm L
Thành phố Đà Nẵng.

- **Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel Khu vực 2**

Địa chỉ: Lô A2-9 Đường Bắc Thăng Long, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm L
Thành phố Đà Nẵng.

- **Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel Khu vực 3**

Địa chỉ: Số 177 Bis Đường Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Thành phố H
Chí Minh

- **Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel Khu vực 4**

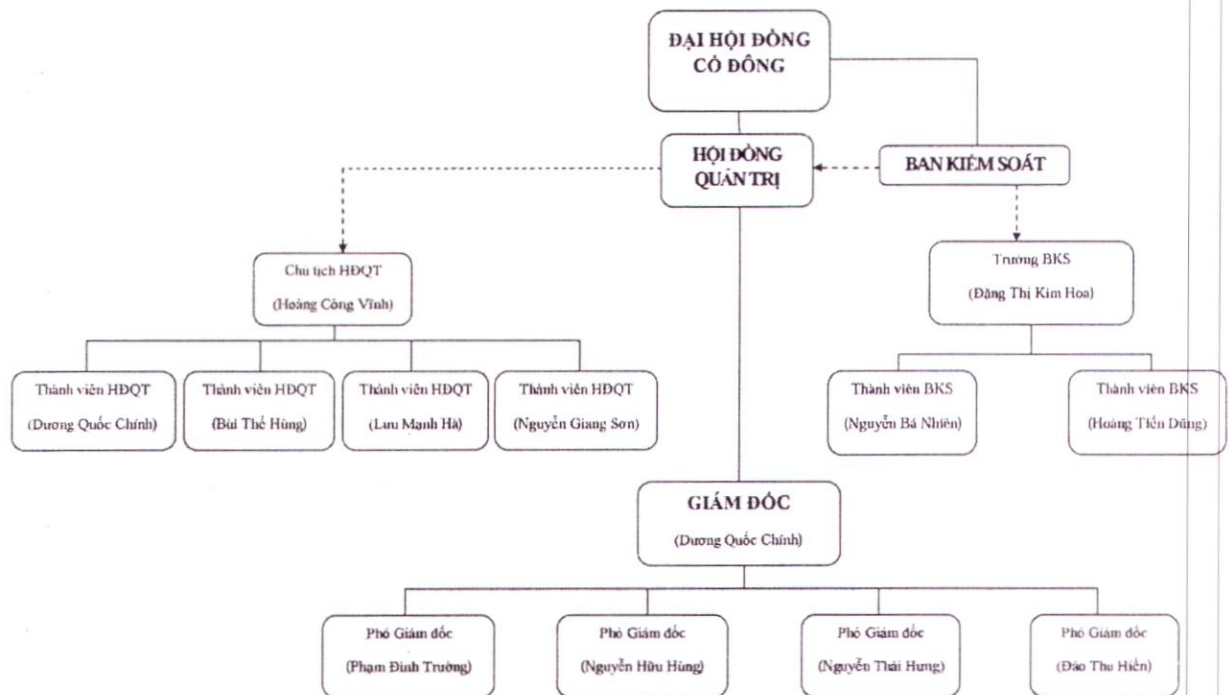
Địa chỉ: Tổ 3, Phường Hồng Hà, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel Khu vực 5

Địa chỉ: Đại lộ Lê Nin, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.

Bảng 5. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có các quyền hạn sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán;
- Bầu, bãi, miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS, phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành;

- Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS;

- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị:

HĐQT có 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ là 5 năm.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ;

- Có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các các bộ quản lý khác;

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;

- Xác định các mục tiêu hoạt động dựa trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý

chống lại cán bộ quản lý đó;

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

- Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

3.3. Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên. Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

3.4. Ban Giám đốc:

- *Giám đốc Dương Quốc Chính:*

Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật đối với việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ, của Hội đồng quản trị, của Tập đoàn, của pháp luật; là Chủ tài khoản Công ty.

- *Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Hùng:*

Chỉ đạo, điều hành và phụ trách các mảng công tác Đảng, công tác Chính trị công tác Thanh kiểm tra, Hành chính, Nhân sự trong Công ty;

• *Phó Giám đốc Phạm Đình Trường:*

Chỉ đạo, điều hành và phụ trách các mảng công tác vận hành khai thác, kỹ thuật, CNTT, định mức, sáng kiến ý tưởng trong Công ty;

• *Phó Giám đốc Nguyễn Thái Hưng:*

Chỉ đạo, điều hành và phụ trách các mảng công tác triển khai thi công, hoàn công quyết toán việc xây lắp hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước. Phụ trách quản lý, điều hành SXKD 5 Chi nhánh khu vực xây lắp ở trong nước.

• *Phó Giám đốc Đào Thu Hiền:*

Chỉ đạo, điều hành và phụ trách toàn bộ công tác kinh doanh, đầu tư, thương mại của Công ty. Phụ trách quản lý, điều hành SXKD các công ty con ở các thị trường nước ngoài.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.

Bảng 6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 07/09/2017

STT	Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	Địa chỉ	Số Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Viễn thông quân đội	Số 1 Trần Hữu Dực, Nam Từ Liêm, Hà Nội	34.503.330	73,22%
Người đại diện vốn Tập đoàn Viễn thông Quân đội:				
1	<i>Hoàng Công Vĩnh</i>		20.701.998	43,93%
2	<i>Dương Quốc Chính</i>		6.900.666	14,64%
3	<i>Bùi Thế Hùng</i>		6.900.666	14,64%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty CP Công trình Viettel ngày 07/09/2017

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

Không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/09/2017:

Bảng 7. Cơ cấu cổ đông của công ty tại ngày 07/09/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước:	1.587	43.897.722	93,15%
1	- Cá nhân	1.583	8.004.902	16,99%
2	- Tổ chức	4	35.892.820	76,17%
II	Cổ đông nước ngoài:	5	3.225.619	6,85%
1	- Cá nhân	3	1.077.473	2,29%
2	- Tổ chức	2	2.148.146	4,56%
III	Cổ phiếu quỹ	-	0	0%
Tổng số:		1.592	47.123.341	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty CP Công trình Viettel ngày 07/09/2017

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty “nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1. Công ty mẹ: Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)

- Địa chỉ: Số 1, Trần Hữu Dực, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 2556789 Fax: (024) 2996789
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0106001052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/7/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh, truyền hình; bưu chính, chuyển phát; nghiên cứu, sản xuất thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông.
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Thương mại, phân phối, bán lẻ vật tư, thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông. Tài chính, ngân hàng, bất động sản. Đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở

trong nước và nước ngoài của Tập đoàn

- Vốn điều lệ đăng ký: 111.025.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 111.025.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu tại Công ty: 73,22%

5.2. Công ty con:

1) VIETTEL CONSTRUCTION LAO CO.,LTD

- Địa chỉ: Bản Phanpapau, huyện Sisattanak, thủ đô Viêng Chăn, Lào
- Điện thoại: 008562096691280
- Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT): số 201500050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 150.000 USD tương đương 3.218.700.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 39.997,8 USD tương đương 890.251.039 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,9%

2) VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD

- Địa chỉ: Số nhà 22D, đường ChroKThmay, phường VeangVong, Quận 7 Makara, thủ đô Phnôm – Pênh, Campuchia

- Điện thoại: 00855884736426
- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500053 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000 USD tương đương 214.580.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 9.960 USD tương đương 213.721.680 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,6%

3) VIETTEL CONSTRUCTION HAITI S.A

- Địa chỉ: Rue Dumez, đại lộ Mais Gate, đường Aeroport, thủ đô Port-Au-Prince, Haiti

- Điện thoại: 0050941827789
- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500062 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 24/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.480 USD tương đương 55.738.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 2.430 USD tương đương 50.154.426 đồng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 98%

4) VIETTEL CONSTRUCTION PERU S.A.C

- Địa chỉ: Av. Mcal. Oscar R. Benavides No 2788 Bellavista, Callao, Peru

- Điện thoại: 0051930239980

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201600184 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03/08/2016

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông

- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000 USD tương đương 208.280.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 9.990 USD tương đương 208.071.720 đồng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,9%

5) VIETTEL CONSTRUCTION MOZAMBIQUE, LDA

- Địa chỉ: Số 525, quận Alto Mae, đại lộ Guerra Popular, huyện 1, thủ đô Maputo, Mozambique

- Điện thoại: 00258877119241

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500057 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông

- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000 USD tương đương 841.440.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 10.617 USD tương đương 223.333.743 đồng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,25%

6) VIETTEL CONSTRUCTION CAMEROUN S.A

- Địa chỉ: Yaounde BP 15868, Cameroun

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500054 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/02/2016

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông

- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000 USD tương đương 849.840.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 39.920 USD tương đương 848.140.320 đồng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,8%

7) VIETTEL CONSTRUCTION BURUNDI S.A

- Địa chỉ: Số 48, đại lộ Gihosha, Bujumbura, Burundi

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500055 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.000 USD tương đương 106.230.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.990 USD tương đương 106.017.540 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,8%

8) VIETTEL CONSTRUCTION TANZANIA LIMITED

- Địa chỉ: Số 353 Regent Estate, Mikicheni A, Kinodoni, Dar es Salaam, Tanzania
- Điện thoại: 00255625854528
- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500056 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/11/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.000 USD tương đương 106.230.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.990 USD tương đương 106.017.540 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,8%

9) VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD

- Địa chỉ: Số (39), đường Inya Myaing, phường Golden Valley (1), quận Bahan, Yangon Myanmar.
- Điện thoại: 00959967062579
- Giấy chứng nhận đầu tư: số 201500034 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22/9/2015

- Ngành nghề kinh doanh: thi công xây lắp hạ tầng viễn thông
- Vốn điều lệ đăng ký: 680.000 USD tương đương 14.737.640.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 150.000 USD tương đương 3.377.250.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con: 99,95%

6. Hoạt động kinh doanh.

Hoạt động Xây lắp công trình viễn thông và Công nghệ thông tin

Có thể coi Công ty Cổ phần Công trình Viettel là đơn vị xây lắp hệ thống truyền dẫn hàng đầu cả nước vì tính đến nay, Công trình Viettel đã thi công gần 140.000 km cáp quang trong và ngoài nước, chiếm 45% các tuyến cáp quang của Viettel trên toàn cầu. Công ty đã tiến hành thi công mạng lưới cố định băng rộng trên khắp cả nước, trong đó tiêu biểu là công trình thi công tuyến trục thông tin cáp quang quân sự từ Bắc vào Nam giai đoạn 1 dài gần 2.000 km của Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội. Công ty đã thi công ngầm hóa các tuyến cáp trên các tuyến phố tại nhiều địa

phương trên khắp cả nước như công trình ngầm hóa lưới điện trung hạ thế trên đường Hàm Nghi, đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ của công ty Điện Lực Sài Gòn, công trình ngầm hóa các tuyến cáp tại Hà Nội.

Công trình Viettel là đơn vị triển khai thi công cố định băng rộng, lắp đặt tuyến viba trên toàn quốc của Tập đoàn Viettel. Công ty đã hoàn thành lắp đặt thiết bị các tuyến viba quân sự khu vực tây Bắc từ Sơn Tây đi Sơn La, đi Điện Biên cùng nhiều trạm viba tại vùng hải đảo.

Trong lĩnh vực xây dựng, Công trình Viettel là đơn vị xây dựng nhiều công trình dân dụng. Công ty đã xây dựng các tòa nhà Viettel tại các huyện, cải tạo các kho Bưu chính của Viettel tại nhiều địa phương, tham gia thi công nhiều công trình của quân chủng Phòng Không Không Quân. Ngoài ra, Công ty đã tiến hành cải tạo các tuyến đường bê tông tại nhiều địa phương trên cả nước, sản xuất cột bê tông cung cấp cho thi công truyền dẫn.

Tính đến nay, CTCP Công trình Viettel đã thi công gần 50.000 trạm phát sóng di động (BTS) trong và ngoài nước, góp phần đưa Viettel trở thành mạng di động có mạng lưới số 1 tại Việt Nam. Đặc biệt, ngoài các trạm BTS tại khu vực đồng bằng, Công ty còn là đơn vị đi đầu trong thực hiện thi công lắp đặt trạm thông tin di động tại các vùng sâu vùng xa, miền núi và hải đảo.

Hoạt động vận hành khai thác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thông tin liên lạc

Năm 2009, Công ty CP Công trình Viettel bắt đầu tiến hành bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, cột anten, nhà trạm BTS. Đến nay, Công ty đã tiến hành bảo dưỡng hàng chục ngàn trạm BTS, bảo dưỡng thiết bị viba, cột anten, nhà trạm. Công ty không chỉ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cho Tập đoàn Viettel mà còn tiến hành bảo dưỡng các tháp anten viba tổng đài mạng cáp cho Quân đội và Bưu điện ở các địa phương trên cả nước.

Năm 2017, công ty chính thức triển khai hoạt động vận hành khai thác hạ tầng mạng viễn thông trên toàn quốc với số lượng 34.000 trạm BTS và 3.000.000 đôi dây thuê bao.

Hoạt động cung cấp và xây lắp cột anten:

Công trình Viettel là đơn vị sản xuất và lắp đặt cột anten có nhiều kinh nghiệm. Công ty đã cung cấp và lắp đặt cột anten cho gần 30.000 trạm BTS, xây dựng các công trình cột tháp thông tin cho ngành bưu điện, phát thanh, truyền hình tại nhiều địa phương trên cả nước. Một số công trình tiêu biểu như: Công trình thông tin cho Bưu điện Quảng Nam; Bưu điện Quảng Ngãi; các cột anten Bình Sơn, Dung Quất, tháp truyền hình Tam

Kỳ, Điện Bàn, truyền hình Quảng Nam, các trạm phát sóng chuyển tiếp Đài truyền hình Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, cột anten cao 120m Đài truyền hình Tuyên Quang, tháp anten đài tiếng nói Việt Nam trên đỉnh Bà Nà – Đà Nẵng, cột truyền hình Trung ương cao 125m tại 43 Nguyễn Chí Thanh-Hà Nội.

Công ty CP Công trình Viettel đã tổ chức thi công nhiều cột tháp anten ở nước ngoài như: cột anten cao 140m Đài truyền hình Trung ương Lào, cột 140m tại Chăm-pa-sắc Lào, các cột anten cho Công ty Lào telecom tại Viên Chăn...

Hoạt động kinh doanh cốt lõi trong tương lai

Với việc hệ thống công trình thông tin liên lạc của Viettel cũng như các đơn vị quân đội đã bao phủ khắp đất nước và vươn tới cả những vùng miền núi, hải đảo và hệ thống các đơn vị của Viettel cũng hiện diện ở tất cả các địa bàn quan trọng, Công ty xác định trong giai đoạn tới, hoạt động xây lắp công trình viễn thông và công nghệ thông tin sẽ không còn giữ vai trò là hoạt động cốt lõi của Công ty nữa. Hoạt động sản xuất kinh doanh được Công ty tập trung đầu tư và xác định là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty trong tương lai là: Hoạt động quản lý vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông cho Viettel và các nhà mạng ở trong và ngoài nước. Đây là xu thế chung của các nhà mạng viễn thông khi đã đầu tư ổn định mạng lưới.

Hiện nay toàn bộ hệ thống hạ tầng mạng viễn thông trong nước của Viettel đều do Công ty quản lý vận hành, khai thác. Công ty sẽ tiến tới vận hành khai thác mạng lưới viễn thông nước ngoài. Hoạt động này ước tính có thể mang về cho Công ty từ 1.800-2.200 tỷ đồng doanh thu hàng năm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.

Bảng 7-1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 -2016 và 6 tháng đầu năm 2017 trên báo cáo công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015	6 tháng 2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.005.659.374.039	993.564.101.474	-1,20%	1.635.173.786.594
2	Vốn chủ sở hữu	444.920.212.928	582.657.721.993	30,96%	565.277.526.029
3	Doanh thu thuần	1.086.729.033.659	1.118.803.649.520	2,95%	1.020.600.783.306
4	Lợi nhuận từ HĐKD	72.497.052.798	90.808.654.729	25,26%	24.406.866.793

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015	6 tháng 2017
5	Lợi nhuận khác	30.283.697.916	28.079.683.655	-7,28%	19.204.193.725
6	Lợi nhuận trước thuế	102.780.750.714	118.888.338.384	15,67%	43.611.060.518
7	Lợi nhuận sau thuế	82.979.047.628	100.656.341.027	21,30%	35.299.328.664
8	Giá trị sổ sách (đồng)	14.515	13.601	-6,30%	11.996

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 công ty mẹ, BCTC soát xét 6 tháng 2017 công ty mẹ của CTCP Công trình Viettel)

*** Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với BCTC riêng năm 2016**

Tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc không thể đánh giá được tính chính xác và phù hợp của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong năm 2016, ngoài các thủ tục kiểm toán đối với các công trình phát sinh trong năm, chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản mục nói trên nhưng vẫn chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý về số dư của các công trình dở dang tại ngày 01/01/2016 và ảnh hưởng của vấn đề này tới khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.”

*** Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với BCTC riêng giữa niên độ 6 tháng năm 2017**

Tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc không thể đánh giá được tính chính xác và phù hợp của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 01/01/2016. Vấn đề trên tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.”

Bảng 7-2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 -2016 và 6 tháng đầu năm 2017 trên báo cáo hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015	6 tháng 2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.458.268.119.983	1.295.016.670.343	-11,19%	1.959.781.689.160
2	Vốn chủ sở hữu	498.731.017.293	645.569.053.171	29,44%	634.481.584.058
3	Doanh thu thuần	1.522.952.596.817	1.678.477.249.737	10,21%	1.272.898.304.657
4	Lợi nhuận từ HĐKD	103.600.721.919	101.535.622.604	-1,99%	43.228.307.938
5	Lợi nhuận khác	42.646.492.039	30.065.622.316	-29,50%	19.698.417.152
6	Lợi nhuận trước thuế	146.247.213.958	131.601.244.920	-10,01%	62.926.725.090
7	Lợi nhuận sau thuế	110.021.061.509	99.821.811.279	-9,27%	48.256.261.581
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	109.944.738.447	99.756.238.347	-9,27%	48.221.933.650
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	76.323.062	65.572.932	-14,09%	34.327.931
10	Giá trị sổ sách (đồng)	16.256	15.059	-7,36%	13.458

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel)

*** Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2016:**

Tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc không thể đánh giá được tính chính xác và phù hợp của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong năm 2016, ngoài các thủ tục kiểm toán đối với các công trình phát sinh trong năm, chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản mục nói trên nhưng vẫn chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý về số dư của các công trình dở dang tại ngày 01/01/2016 và ảnh hưởng của vấn đề này tới khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

*** Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2017:**

Tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ việc không thể đánh giá được tính chính xác và phù hợp của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 01/01/2016. Vấn đề trên tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý của số dư khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.”

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty CP Công trình Viettel là công ty dẫn đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình viễn thông trong nước. Công ty đã xây dựng hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông của Viettel bao phủ 100% các huyện và hầu hết các xã trong cả nước. Hiện tại, Công ty đang từng bước phát triển ngành nghề mới vận hành khai thác hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước và tiến tới vận hành khai thác hạ tầng mạng lưới viễn thông nước ngoài, Công ty xác định đây là sự dịch chuyển lớn rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Khách hàng lớn nhất của Công ty là nhà mạng VIETTEL, Công ty không chỉ cung cấp dịch vụ trong nước mà đã triển khai kinh doanh tại 10 quốc gia khác nhau gồm: Lào, Campuchia, Tanzania, Peru, Mozambique, Haiti, Cameroon, Burundi, Đông Timo, Myanmar. Uy tín và vị thế của Công ty trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, được đối tác đánh giá cao thông qua chất lượng công trình và thời gian thi công đảm bảo.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành.

Viễn thông là một ngành kinh tế đặc biệt quan trọng và có tốc độ phát triển nhanh, công nghệ mới liên tục được đầu tư ví dụ công nghệ 3G, 4G tiến tới là 5G. Mặc dù trong 10 năm trở lại đây, hạ tầng viễn thông trong nước được đầu tư mạnh mẽ bởi các nhà mạng lớn VINAPHONE, MOBIPHONE, VIETTEL và đã bắt đầu bước vào giai đoạn bão hòa, tuy nhiên với đặc thù là ngành có sự thay đổi công nghệ nhanh về công nghệ và yêu cầu các nhà mạng viễn thông liên tục phải đầu tư nâng cấp, củng cố mạng lưới. Dự kiến trên cả nước có khoảng 100.000 trạm phát sóng BTS, hàng trăm nghìn kilomet cấp quang cần được bảo dưỡng, củng cố, nâng cấp hàng năm.

Xu hướng trên thế giới hiện nay, các nhà mạng có xu thế thuê các công ty chuyên nghiệp để cung cấp dịch vụ vận hành khai thác hạ tầng mạng lưới viễn thông với mục

đích nâng cao chất lượng mạng lưới, tiết kiệm chi phí. Tại Việt Nam, lĩnh vực này mới đang trong giai đoạn đầu phát triển vì vậy đây là mảng dịch vụ có rất nhiều tiềm năng cho các công ty xây lắp truyền thống phát triển dịch vụ mới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động:

Tính đến ngày 31/09/2017, Công ty CP Công trình Viettel có 9.747 lao động. Trong đó, Hợp đồng lao động có 4.686 lao động (chiếm 48%), hợp đồng dịch vụ có 5.061 lao động (chiếm 52%). Trình độ Thạc sỹ là 38 người, chiếm 0,4%; Đại học 2793 người, chiếm 28,7%, Cao đẳng 1333 người, chiếm 13,7%, trung cấp trở xuống 5583 người, chiếm 57,3%.

10.2. Chính sách đối với người lao động:

Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho CBCNV. Các chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo an toàn lao động luôn được chú trọng. Các chế độ bảo hiểm, khám sức khoẻ định kỳ... được thực hiện đầy đủ.

➤ Chính sách đào tạo:

- Đối với người lao động làm chuyên môn nghiệp vụ khối văn phòng: đào tạo tại chỗ, cử 1-2 người có chuyên môn giỏi hướng dẫn, kèm cặp.

- Đối với lao động làm việc trực tiếp trên tuyến: tổ chức đào tạo theo từng nghiệp vụ tại Công ty hoặc qua cầu truyền hình.

- Đào tạo ATLĐ hằng năm cho CBCNV toàn Công ty.

➤ Chế độ tuyển dụng:

Công ty tổ chức tuyển dụng theo đúng quy định của Tập đoàn Viễn thông Quân đội, bao gồm các vòng thi:

- Xét tuyển hồ sơ;
- Thi chuyên môn nghiệp vụ;
- Kiểm tra IQ;
- Thi tiếng Anh Toeic;
- Phỏng vấn.

➤ Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:

- Lương kỳ 1 (theo hệ số chức danh), Lương kỳ 2, lương bổ sung quý, năm (theo kết quả hoạt động SXKD của Công ty)

- BHXH, BHYT, BH thất nghiệp (đối với đối tượng HĐLĐ);

- BH thân thể (đối với HDDV);

- Khám sức khỏe hằng năm: 100% CBCNV;
- Chế độ nghỉ mát: 100% CBCNV;
- Quà: Tết dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4 – 1/5, 2/9...

➤ *Mức lương bình quân:*

Năm	Đơn vị tính	2015	2016
Mức thu nhập bình quân	Triệu Đồng/người/tháng	18,6	16,5

11. Chính sách cổ tức:

Theo Điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tỷ lệ cổ tức chi trả hằng năm được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên như sau:

Bảng 8. Chính sách cổ tức của Công ty từ năm 2014 đến nay

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức	22%	20%	20%	15-20%
Hình thức thanh toán	- Tiền mặt: 10% - Cổ phiếu: 12%	- Tiền mặt: 8% - Cổ phiếu: 12%	- Tiền mặt: 10% - Cổ phiếu: 10%	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và bằng tiền mặt

Ghi chú: Công ty đã thanh toán toàn bộ cổ tức từ năm 2016 trở về trước

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

12. Tình hình tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng luật kế toán hiện hành.

Các chỉ tiêu cơ bản

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính

STT	Tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	06-20 năm
2	Máy móc, thiết bị	05-15 năm
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08 năm
5	Quyền sử dụng đất	50 năm
6	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không tính khấu hao

- Thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn: Công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn.
- Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.
- Trích lập các quỹ theo luật định:

Trên cơ sở kết quả kinh doanh hàng năm, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

- Tổng dư nợ vay:

Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị: Đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn	189.342.597.659	4.307.489.689	144.915.191.412
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	189.342.597.659	4.307.489.689	144.915.191.412

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel.

- Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	703.262.702.133	818.163.230.011	1.062.148.453.679
Phải thu khách hàng ngắn hạn	302.358.791.268	565.856.179.391	776.362.330.113
Trả trước cho người bán ngắn hạn	108.790.660.376	94.068.383.736	104.101.876.162
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	321.571.083.195	187.938.124.824	211.296.202.868
Dự phòng phải thu khó đòi	-29.457.832.706	-29.699.457.940	-29.611.955.464
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
III. Tổng cộng	703.262.702.133	818.163.230.011	1.062.148.453.679

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Nợ ngắn hạn	959.537.102.690	649.447.617.172	1.325.300.105.102
Phải trả cho người bán ngắn hạn	183.468.151.698	239.214.388.870	357.480.400.020
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	224.622.982.769	14.283.314.487	104.079.134.667
Thuế và các khoản phải nộp NN	51.125.429.393	46.374.669.628	28.354.121.929
Phải trả người lao động	39.691.046.494	37.427.858.055	102.657.867.642
Chi phí phải trả ngắn hạn	114.176.482.994	196.865.870.470	384.870.594.248
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24.868.572.670	10.884.788.977	10.884.788.977

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Phải trả ngắn hạn khác	94.805.550.212	65.422.449.527	162.188.168.328
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	189.342.597.659	4.307.489.689	144.915.191.412
Dự phòng phải trả ngắn hạn	30.056.164.411	27.040.412.789	17.567.495.956
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.380.124.390	7.626.374.680	12.302.341.923
II. Nợ dài hạn	-	-	-
III. Tổng cộng	959.537.102.690	649.447.617.172	1.325.300.105.102

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel

- **Đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư tài chính Hợp nhất

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
III. Tổng cộng	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel

Các khoản đầu tư tài chính Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	3.430.956.969	4.321.208.008	6.022.958.008
Đầu tư vào công ty con	3.430.956.969	4.321.208.008	6.022.958.008
III. Tổng cộng	3.430.956.969	4.321.208.008	6.022.958.008

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và BCTC riêng soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,48	1,94
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,87	1,40
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,66	0,50
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,92	1,01
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,33	3,23
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,04	1,22
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,22	5,95
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,04	17,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,54	7,25
Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,80	6,05

Nguồn: tính toán theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 của CTCP Công trình Viettel

13. Tài sản thuộc sở hữu của công ty

- Tình hình Tài sản cố định

Bảng 9: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2016

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I. Tài sản cố định hữu	66.739.683.148	11.811.207.431	17,70%

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
hình			
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.305.165.421	8.349.664.061	73,86%
Máy móc, thiết bị	22.206.387.631	2.296.150.189	10,34%
Phương tiện vận tải	32.328.763.232	900.396.513	2,79%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	899.366.864	264.996.668	29,46%
II. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III. Tài sản cố định vô hình	24.336.888.039	16.772.390.038	68,92%
Quyền sử dụng đất	24.336.888.039	16.772.390.038	68,92%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của CTCP Công trình Viettel

Tài sản cố định tại ngày 30/06/2017

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	69.183.915.668	11.807.367.073	17,07%
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.305.165.421	7.975.496.909	70,55%
Máy móc, thiết bị	22.210.807.872	1.166.717.310	5,25%
Phương tiện vận tải	34.722.075.511	2.481.142.786	7,15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	945.866.864	184.010.068	19,45%
II. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	
III. Tài sản cố định vô hình	24.336.888.039	16.159.173.040	66,40%
Quyền sử dụng đất	24.336.888.039	16.159.173.040	66,40%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2017 của CTCP Công trình Viettel

- **Tình hình tài sản dở dang**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.170.909.090	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2017 của CTCP Công trình Viettel

- **Tình hình sử dụng đất đai:**

TT	Địa chỉ	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Thửa đất số 908, tờ bản đồ 58, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng văn phòng làm việc	50 năm (từ 03/4/2010 đến 02/4/2060)
2	Thửa đất số 300 tờ bản đồ 112, Lô số A2-9 thuộc khu dân cư Phong Bắc – Hoà Thọ, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	Xây dựng văn phòng làm việc	Lâu dài

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.

Bảng 10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 và năm 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018 (*)	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2017
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	2.152	28,21%		
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	471	10%		
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	112,8	13%		
Tỉ lệ LNST/Vốn điều lệ	23,95%	-		
Tỉ lệ LNST/Tổng doanh thu	5,24%	-		
Cổ tức	15% – 20%	-		

Nguồn: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 13/NQ-CT-DHCD ngày 22/04/2017.

() Công ty chưa lập kế hoạch kinh doanh năm 2018.*

➤ ***Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.***

- Bắt đầu từ tháng 4 năm 2017, Công ty CP Công trình Viettel đã ký hợp đồng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội - chính thức cung cấp dịch vụ vận hành kỹ thuật mạng lưới tại 62 tỉnh/tp, đưa doanh thu trung bình hằng năm tăng thêm từ 1.800 – 2.200 tỷ/năm.

- Với mục tiêu đưa Việt Nam vào danh sách 30 quốc gia triển khai 4G mạnh nhất trên thế giới, tổng số 35.000 trạm BTS 4G đã và đang được Viettel triển khai trong năm 2017, mở ra cơ hội nguồn việc xây lắp trạm BTS 4G cho Công ty.

- Năm 2016, Viettel đã nhận được giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông tại Myanmar, với tổng mức đầu tư lên đến 1,5 tỷ USD Viettel sẽ xây dựng một mạng viễn thông hiện đại, rộng khắp toàn đất nước Myanmar, bao phủ tới gần 95% dân số trong vòng ba năm. Công ty CP Công trình Viettel đã có mặt tại Myanmar từ tháng 6/2015 và đã sẵn sàng cho việc thi công hạ tầng mạng cho Viettel với nguồn việc rất lớn (Xây lắp 4000 trạm BTS, Lắp 2000 tuyến viba, 2000 trạm BTS trên cột có sẵn, 1000 km cáp ngầm và 20.000km cáp treo).

- Tính đến, 30/06/2017, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.272 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 48,2 tỷ đồng. Như vậy, Công ty đã đạt được 59,11% kế hoạch doanh thu thuần và 42,78% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2017. Với việc một số công trình của Công ty được quyết toán vào các quý cuối năm, khả năng hoàn thành kế hoạch của Công ty là khả thi.

➤ ***Kế hoạch tăng vốn điều lệ:***

Không có.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Giai đoạn 2017-2020, Công ty tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng viễn thông trong nước và duy trì mở rộng hoạt động xây lắp tại các thị trường nước ngoài đồng thời thực hiện chuyển dịch chiến lược từ công ty xây lắp truyền thống trở thành nhà vận hành khai thác mạng lưới viễn thông toàn cầu.

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng viễn thông, Công ty

hiểu rất rõ về mạng lưới viễn thông, với vị thế hiện tại Công ty có đủ năng lực và khả năng để dịch chuyển thành công sang lĩnh vực mới nhiều tiềm năng và đang là xu hướng phát triển trên thế giới. Với lợi thế kinh nghiệm kinh doanh tại 10 nước trên thế giới, Công ty đã áp dụng được các mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong điều hành kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động tạo điều kiện để Công ty dịch chuyển sang lĩnh vực mới. Đặc biệt Công ty mẹ Tập đoàn Viettel là nhà mạng viễn thông lớn nhất Việt Nam và đầu tư ra nhiều nước trên thế giới (Lào, Campuchia, Tanzania, Peru, Mozambique, Haiti, Cameroon, Burundi, Đông timor, Myanmar), đây là cơ sở quan trọng để Công ty phát triển mạnh mẽ lĩnh vực vận hành mạng lưới viễn thông trong thời gian tới, Công ty không chỉ cung cấp dịch vụ vận hành mạng lưới cho các nhà mạng Viettel đã đầu tư mà sẽ hướng đến tất cả các nhà mạng viễn thông có nhu cầu.

Chuyển dịch từ các công ty xây lắp trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn hành khai thác mạng viễn thông đang là xu hướng của thế giới. Trước sức mạnh cạnh tranh, các nhà mạng viễn thông thế giới hiện đang thuê ngoài dịch vụ vận hành để tối ưu chi phí, tập trung vào phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, công nghệ. Thực tế này đã xuất hiện ngày càng nhiều Công ty chuyên cho thuê và vận mạng viễn thông với quy mô đa quốc gia có doanh thu, hiệu quả sinh lời vượt xa ngành xây lắp trạm BTS truyền thống, ví dụ năm 2016: American Tower Corporation (Doanh thu: 5,7 tỷ USD, Lợi nhuận 970 triệu USD); Crown Castle (Doanh thu: 3,2 tỷ USD, Lợi nhuận 357 triệu USD), nguồn *Annual Reports 2016 American Tower Corporation và Crown Castle*.

Hiện tại Công ty đã cung cấp dịch vụ vận hành khai thác hạ tầng mạng lưới viễn thông tại 62 tỉnh/TP trên toàn quốc của nhà mạng Viettel và đang khẩn trương chuẩn bị triển khai tại các thị trường Campuchia và Lào trong năm 2018 và kế hoạch đến năm 2020 sẽ cung cấp dịch vụ khai thác mạng viễn thông tại 10 quốc gia, ước doanh thu mỗi thị trường bình quân khoảng 1.600-2.500 tỷ/năm, tăng tổng doanh thu toàn Công ty bình quân khoảng 30%/năm.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Bảng 11. Thành phần Hội đồng quản trị của Công ty CP Công trình Viettel

STT	Họ tên	Chức danh trong HĐQT	Ghi chú
1	Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT
2	Dương Quốc Chính	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
3	Bùi Thế Hùng	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Lưu Mạnh Hà	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Giang Sơn	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

❖ Ông Hoàng Công Vĩnh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	HOÀNG CÔNG VĨNH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	30/11/1957
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu TT Trung Hòa - Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	044057000288 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/12/2016.
Trình độ chuyên môn	Sỹ quan lục quân 1
Quá trình công tác	

Trước 6/2004:	Công tác tại các đơn vị quân đội thuộc Binh chủng thông tin liên lạc – Bộ Quốc phòng
6/2004 - 5/2008:	Giám đốc Công ty Công trình Viettel
6/2008 - nay:	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội
5/2010 - nay	Chủ tịch hội đồng quản trị CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	
- Cá nhân sở hữu	152.168 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Tập đoàn Viễn thông Quân đội	20.701.998 cổ phần, chiếm 43,93% vốn điều lệ
Sở hữu của người liên có liên quan: Tập đoàn viễn thông quân đội (Mỗi QH: Đại diện sở hữu vốn)	34.503.330 cổ phần, chiếm 73,22% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Dương Quốc Chính - Thành viên HĐQT/ Giám đốc

Họ và tên	Dương Quốc Chính
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/11/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Giang
Địa chỉ thường trú	Số 6 ngõ 14 đường Nguyễn Văn Cừ - P.Lê Lợi -

	Tx Bắc Giang - Bắc Giang
Chứng minh nhân dân	90A052023550
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – ĐH Griggs Hoa kỳ
Quá trình công tác	
2004 – 7/2014	Trưởng phòng, Giám đốc tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội.
8/2014 – 9/2014	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
10/2014 – nay	Giám đốc CTCP Công trình Viettel
4/2015 - nay	Thành viên HĐQT - Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT - Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	
- Cá nhân sở hữu	237.110 cổ phần, chiếm 0,50% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Tập đoàn Viễn thông Quân đội	6.900.666 cổ phần, chiếm 14,64% vốn điều lệ
Sở hữu của người liên có liên quan: Tập đoàn viễn thông quân đội (Mối QH: Đại diện sở hữu vốn)	34.503.330 cổ phần, chiếm 73,22% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành	Không

❖ Ông **Bùi Thế Hùng** – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Bùi Thế Hùng
-----------	--------------

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/10/1974
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Lý Thường Kiệt – Quang Trung – Hà Đông – Hà Nội
Chứng minh nhân dân	112194063, cấp ngày 29/10/2004, nơi cấp CA Hà Tây (Nay là Hà Nội)
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐHQGHN
Quá trình công tác	
2002 – 8/2012	Trưởng phòng tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội.
09/2012 - 09/2014	Giám đốc Trung tâm Điều hành phát triển hạ tầng - TCT Mạng lưới Viettel
10/2014 – 5/2016	Phó TGD - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
4/2015 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Công trình Viettel
6/2016 - nay	Giám đốc Trung tâm hạ tầng toàn cầu, Giám đốc Ban quản lý Dự án Hạ tầng viễn thông – Tổng công ty Mạng lưới Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Giám đốc Trung tâm hạ tầng toàn cầu, Giám đốc Ban quản lý Dự án Hạ tầng viễn thông – Tổng công ty Mạng lưới Viettel
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	Không
- Cá nhân sở hữu	6.900.666 cổ phần, chiếm 14,64% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Tập	

đoàn Viễn thông Quân đội	
Sở hữu của người liên có liên quan: Tập đoàn viễn thông quân đội (Mối QH: Đại diện sở hữu vốn)	34.503.330 cổ phần, chiếm 73,22% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Lưu Mạnh Hà – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Lưu Mạnh Hà
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/05/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thạch Đà, Mê Linh, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	Tập thể Ao Cỏ, Ngõ 1150 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	13013924, Ngày cấp: 15/10/2013 Nơi cấp: Tổng cục Chính trị
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện tử Viễn thông, Thạc sỹ QTKD
Quá trình công tác	
2003 – 3/2010	Trưởng phòng các đơn vị tại Tập đoàn Viễn thông Quân đội
4/2010 – 10/2011	Phó GD - Công ty Mạng lưới Viettel
4/2010 – 5/2016	Giám đốc các Trung tâm kỹ thuật, Trung tâm khai thác, Trung tâm di động...thuộc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
4/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Công trình Viettel

6/2016 - nay	Phó TGD - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Phó TGD Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của Công ty)	Không
Sở hữu của người liên có liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Giang Sơn - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Giang Sơn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	1955
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Âu Cơ, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	013446834, cấp ngày 3/3/2012, nơi cấp CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Vô tuyến điện
Quá trình công tác	
2000-2007:	Phó giám đốc Giám Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Viettel
2008-2009:	Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Viettel
2010-2015:	Nghỉ hưu
4/2015 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Công trình Viettel

Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	8.727 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	8.727 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành	Không

2. Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

Bảng 12. Thành phần Ban kiểm soát Công ty CP Công trình Viettel

STT	Họ tên	Chức danh trong BKS
1	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng ban
2	Nguyễn Bá Nhiên	Thành viên
3	Hoàng Tiến Dũng	Thành viên

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên Ban Kiểm Soát

❖ Bà Đặng Kim Hoa – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Đặng Thị Kim Hoa
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/2/1973
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Tổ 14, Giáp Bát - Hoàng Mai - Hà Nội
Chứng minh nhân dân	90A032023405
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác	
1996 - 2010:	Trưởng ban Tài chính - Phòng Tài chính – Tổng công ty Viễn thông Quân đội
6/2010 - nay:	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
6/2011 - nay	Trưởng ban kiểm soát CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	3.489 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	3.489 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Hoàng Tiến Dũng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Hoàng Tiến Dũng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/9/1991
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú	Ngõ 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	019091000093, cấp ngày 26/10/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật – Đại học Luật Hà Nội
Quá trình công tác	
01/2015 – nay	Trợ lý Pháp lý – Ban Pháp chế, Tập đoàn Viễn thông Quân đội
4/2017 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Trợ lý Pháp lý – Ban Pháp chế, Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức phát hành)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Bá Nhiên - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Bá Nhiên
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/08/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Quê quán	Hà Tây
Địa chỉ thường trú	Khu Đô thị Văn Quán, P. Văn Quán, Hà Đông
Chứng minh nhân dân	017498215, cấp ngày 27/7/2013, nơi cấp CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản lý kinh tế - ĐH KTQD
Quá trình công tác	
2003 – 7/2013	Trưởng Phòng Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh doanh – CTCP Công trình Viettel.
6/2012 - nay	Thành viên ban Kiểm soát CTCP Công trình Viettel
8/2013 – 11/2014	Phó Giám đốc Chi nhánh Cameroun - Công ty CP Công trình Viettel
11/2014 – 3/2015	Trưởng phòng Tổ chức lao động - Công ty CP Công trình Viettel
3/2015 – 01/2017	Phó phòng Tổ chức lao động - Công ty CP Công trình Viettel
01/2017 – nay	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty CP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Công ty CP Công trình Viettel
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	50.607 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	50.607 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

3. Ban Giám đốc.

Bảng 13. Thành phần Ban Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Dương Quốc Chính	Giám đốc	Thành viên HĐQT (Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)
2	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Giám đốc	
3	Phạm Đình Trường	Phó Giám đốc	
4	Nguyễn Thái Hưng	Phó Giám đốc	
5	Đào Thu Hiền	Phó Giám đốc	
6	Bùi Duy Bảo	Kế toán trưởng	

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc

❖ Ông Nguyễn Hữu Hùng – Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Hữu Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	29/03/1968
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thị Trấn Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	026068000447
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước – Học viện Chính trị quân sự.
Quá trình công tác	

01/2010 – 06/2013	Trưởng phòng Chính trị - Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Tập đoàn Viễn thông Quân đội.
07/2013 – 08/2014	Phó Giám đốc Chi nhánh Viettel Hồ Chí Minh
9/2014 – 11/2015	Giám đốc Chi nhánh Viettel Bắc Giang
12/2015 – 03/2017	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
04/2017 – nay	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	870 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	870 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Phạm Đình Trường – Phó Giám đốc

Họ và tên	Phạm Đình Trường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghĩa An, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Khu đô thị mới Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Chứng minh nhân dân	212074245 do CA Quảng Ngãi cấp ngày 30/5/2011
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ thông tin – ĐH Quốc gia TP.HCM
Quá trình công tác	
09/2007 – 03/2010	Phó Giám đốc Kỹ thuật, Ban Điều hành Kỹ thuật Khu vực 3, Trung tâm Điều hành Kỹ thuật Viettel Telecom
03/2010 – 11/2015	Phó TGD – Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
11/2015 – 05/2016	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
09/2016 – 03/2017	Phó TGD - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
04/2017 – nay	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức phát hành)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Thái Hưng – Phó Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thái Hưng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/02/1981

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Văn Giang, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	An Đào, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	013642721 do CA Hà Nội cấp ngày 22/6/2013
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
01/2004 – 02/2008	Phó Giám đốc Xí nghiệp Công trình 2 – Công ty Công trình Viettel
03/2008 – 04/2010	Phó Giám đốc Xí nghiệp Công trình 1 – Công ty CP Công trình Viettel
06/2010 – 08/2013	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 1
05/2014 – 09/2015	Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel Cameroun
04/2016 – nay	Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức phát hành)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

❖ Bà Đào Thu Hiền – Phó Giám đốc

Họ và tên	Đào Thu Hiền
-----------	--------------

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	27/10/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	90A112048623 do Cục Quân lực-BTTM cấp ngày 01/9/2013
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
04/2010 – 03/2012	Trưởng phòng Dự án và Kinh doanh, Công ty CP Công trình Viettel
10/2013 – 04/2014	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Công trình Viettel
08/2016 – 03/2017	Giám đốc Trung tâm kinh doanh, Công ty CP Công trình Viettel
03/2017 – nay	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Giám đốc CTCP Công trình Viettel
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Tổng số cổ phần sở hữu:	1.903 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	1.903 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không

Lợi ích liên quan đến Công ty	Không
-------------------------------	-------

❖ Ông **Bùi Duy Bảo** - Kế toán trưởng

Họ và tên	Bùi Duy Bảo
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/01/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đông Phan, Tân An, Thanh Hà, Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Tổ 13, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	012863757, cấp ngày 31/3/2006, nơi cấp CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
12/2004 – 06/2006	Nhân viên Tài Chính , Trung tâm Điện Thoại Di Động Khu vực 1
07/2006 – 03/2007	Nhân viên phòng Chiến Lược Kinh doanh Công Ty Viettel Telecom
03/2007 – 07/2007	Trợ lý Phòng Quản lý Hạ tầng, Công ty Viettel Telecom
08/2007 – 03/2010	Trợ lý nghiệp vụ, Phòng Tài chính Tổng Công ty
04/2010 – 03/2013	Trưởng phòng Tài chính, Chi nhánh Viettel Hòa Bình
04/2013 – 04/2017	Phó phòng Tài chính, TCT Mạng lưới Viettel
05/2017 - nay	Kế toán trưởng, phụ trách Phòng Tài chính kế toán – Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại công ty	Kế toán trưởng, phụ trách Phòng Tài chính kế toán Công ty

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức phát hành)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

Để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Công ty. Hiện tại Điều lệ của Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2014. Công ty có kế hoạch tiến hành rà soát thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 07/09/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; Quy chế quản trị nội bộ công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Các quy chế và quy định nội bộ khác.

- Rà soát lại điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác của Công ty so với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng. Trường hợp có những cán bộ quản lý chưa thỏa mãn điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm những cá nhân chưa đủ điều kiện và bầu bổ sung các thành viên khác.

- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn;

- Áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình kiểm soát, quản lý hoạt động kinh doanh sản xuất;

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty;

- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính sáng tạo trong công tác quản lý cũng như trong sản xuất nhằm thúc đẩy Công ty phát triển bền vững;
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty;
- Tuân thủ theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

III. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán; Bản sao công văn thông báo TTLKCK về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông;
2. Phụ lục 02: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016; Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên soát xét năm 2017

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Người đại diện theo Pháp luật



Dương Quốc Chính

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Phó Giám đốc Khối Dịch vụ NHĐT**



Nguyễn Thị Thanh Vân



...
 ...
 ...

...
 ...

...
 ...



...
 ...



...